FutureLang
Speak your dreams

TRỌNG ÂM CÂU TRONG TIẾNG ANH

TRỌNG ÂM CÂU LÀ GÌ?

Đây là gia đình của tôi.

This is my ‘family.

Gia đình tôi có bốn thành viên.

There are four ‘people in my ‘family.

Trong tiếng Anh, trong một câu, có những từ được nhấn mạnh (nhận trọng âm) và những từ được lướt đi (không nhận trọng âm) để câu nói trôi chảy hơn.

TỪ NÀO NHẤN TRỌNG ÂM CÂU?

- Từ nhận trọng âm trong câu được nói to hơn và rõ hơn những từ không nhận trọng âm.

- Từ không nhận trọng âm là những từ được ngầm hiểu trong ngữ cảnh.

1. I love ‘English.
2. This is my family.
3. English is very easy.
4. What’s your name?
5. I don’t like eating seafood.

TỪ NÀO NHẬN TRỌNG ÂM CÂU?

- Danh từ (+This, That, These, Those khi làm chủ ngữ)
- Động từ
- Tính từ
- Trạng từ
- Từ để hỏi Wh-
- Trợ động từ phủ định (don’t, doesn’t, isn’t, …

LUYỆN TẬP 1

Good ‘morning.

Nice to meet yo/u

What do you do?

I’m a ‘student.

I’m a ‘teacher.

I live in Hanoi.

LUYỆN TẬP 2

What's your hobby?
What do you often do in your free time?
How often do you study English?
Do you like learning English?
How important is learning English to you?
Do you think that you can speak English well?

FutureLang
Speak your dreams

NGỮ ĐIỆU CÂU TRONG TIẾNG ANH

NGỮ ĐIỆU CÂU LÀ GÌ?

Đây là mẹ của tôi.

This is my ‘mother.

Đây có phải là mẹ của bạn không?

Is this your mother?

Đây là ai?

Who’s this?

Cô 50 tuổi à?

You’re 50?

NGỮ ĐIỆU CÂU LÀ GÌ?

Sự lên/xuống giọng ở cuối câu, để thể hiện chủ ý của người nói.

NGỮ ĐIỆU CÂU
TRẦN THUẬT ĐƠN GIẢN (KHẲNG ĐỊNH SỰ THẬT)

Xuống giọng ở cuối câu.

Good afternoon, everyone.

Nice to meet you all.

My name’s Phương Anh.

I’m 32 years old.

I come from Hai Phong, and I live in Hanoi.

In my free time, I like reading books.

NGỮ ĐIỆU CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN GIẢN

Good morning. ↘

Good evening. ↘

Good night. ↘

Goodbye. ↘

Good afternoon ↘

See you later. ↘

NGỮ ĐIỆU
CÂU HỎI YES/NO (MONG ĐƯỢC XÁC NHẬN)

Lên giọng ở cuối câu.

Are you ‘ready?

Are you a student?

Are you a ‘teacher?

Do you like ‘English?

Can you speak English well?

Really?

You’re a ‘student?

NGỮ ĐIỆU
CÂU HỎI Wh (HỎI ĐỂ LẤY THÔNG TIN CỤ THỂ)

Xuống giọng ở cuối câu.

Who are you?

What's your name?

How are you?

Where are you from?

How often do you learn English?

Why do you want to learn English?

NGỮ ĐIỆU
CÂU ĐỀ NGHỊ, MỆNH LỆNH

Xuống giọng ở cuối câu thể hiện sự lịch sự.

Open the book, please.

Sit down, please.

Come-in, please.

Give me the book, please.

Don’t talk.

‘Follow me.

NGỮ ĐIỆU
CÂU CẢM THÁN

Xuống giọng ở cuối câu.

What a ‘beautiful day!

What a surprise!

Oh, my God!

I’m so sad!

How nice to see you all today!

NGỮ ĐIỆU CÂU LIỆT KÊ

Lên giọng ở những hạng mục đầu, giữa, xuống giọng ở hạng mục cuối.

There are four people in my family, my mother, my father, my sister, and me.

We have water, coffee, juice, and coke.

I like fishing, cooking, reading, and traveling.

There are seven days in a week. They're Mon, Tues, Weds, Thurs, Fri, Sat, and Sun.

LUYỆN TẬP

3 câu trần thuật
3 câu hỏi Yes/No
3 câu hỏi Wh-
3 câu liệt kê
3 câu cảm thán
3 câu mệnh lệnh

Ứng dụng được trong giao – Nói với các thành viên còn lại trong gia đình.